TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Đ** TỈNH B	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 6- 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Đ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Hồng Minh

2. Bà Nguyễn Thị Lan

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Quàng Văn Long - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B*** *tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Thuân - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Điện Biên Phủ, tỉnh B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2024/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024; về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị H; Địa chỉ: Số nhà 36, tổ dân phố 9, phường T, thành phố Đ, tỉnh B (Vắng mặt có lý do);

2. *Bị đơn*: Anh Nguyễn Duy K; Nơi ĐKHKTT: Số nhà 36, tổ dân phố 9, phường T, thành phố Đ, tỉnh B; Chỗ ở hiện nay: Số 103A, thôn P, xã H, huyện H1, tỉnh B (Vắng mặt có lý do);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị H và anh K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Him Lam, thành phố Đ, tỉnh B vào ngày 22/10/2013. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình vì không có sự hiểu nhau, không ai còn quan tâm đến ai, do tình cảm vợ chồng đã hết, có cố gắng hàn gắn cũng không có

hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

Những mâu thuẫn phát sinh trong gia đình chỉ có hai vợ chồng biết, chưa bao giờ chính quyền địa phương phải can thiệp vào mâu thuẫn của vợ chồng chị. Nay chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K.

- Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Duy H - sinh ngày 01/8/2014 và cháu Nguyễn Thanh T – sinh ngày 06/3/2021. Hiện nay anh K đang đi làm xa, không có ở B, để bảo đảm cho cuộc sống của các cháu không bị sáo trộn, chị H có nguyện vọng được trực tiếp, chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị H đang làm tại công ty TNHH dược phẩm Hải Nam, có địa chỉ tại: Số nhà 1070, tổ 2, phường Mường Thanh, thành phố Đ, tỉnh B. Công việc của chị là bán hàng dược, làm theo giờ hành chính, không bao giờ phải đi công tác, thu nhập hàng tháng bình quân là: 5.800.000 đồng, có nhà riêng, nên đủ điều kiện để nuôi các con.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị H đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập của Tòa án, nhưng do công việc bận, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị.

Theo đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 16/4/2024 của bị đơn anh Nguyễn Duy K trình bày:

Anh K có vợ là chị Nguyễn Thị H, có địa chỉ tại: Số nhà 36, tổ dân phố 09, phường T, thành phố Đ, tỉnh B. Do cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, nên vợ chồng anh thống nhất ly hôn, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh là: Số nhà 36, tổ dân phố 09, phường T, thành phố Đ, tỉnh B, chỗ ở hiện nay: Số 103a, thôn P, xã H, huyện H1, tỉnh B. Anh K đồng ý để Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng anh. Anh xin có ý kiến giải quyết vụ án như sau:

- Về hôn nhân: Vợ chồng anh lấy nhau trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2013 tại UBND phường Him Lam, thành phố Đ. Trong quá trình chung sống vợ chồng luôn có nhiều mâu thuẫn, đã sống ly thân nhau từ năm 2022 cho đến nay. Nay cô H làm đơn xin ly hôn, anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu: Nguyễn Duy H – Sinh ngày 01/8/2014 và cháu Nguyễn Thanh T – sinh ngày: 06/3/2021. Anh đồng ý để cho cô H được trực tiếp chăm sóc cả hai con. Không yêu cầu toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ: Không yêu cầu toà án giải quyết.

Do hiện nay anh đi làm xa không thể về được, anh làm đơn này đề nghị toà án cho anh được vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hoà giải. Đề nghị Toà án xét xử vắng mặt anh. Anh xin giữ nguyên ý kiến của mình như trong văn bản này.

Tại đơn xin xác nhận đề ngày 15/5/2024 của chị H, có xác nhận của lãnh đạo tổ dân phố 9, phường T, thành phố Đ, tỉnh B xác nhận:

Chị H và anh K cư trú tại tổ dân phố 9, phường T, thành phố Đ. Trong quá trình sinh sống, chính quyền địa phương chưa bao giờ phải can thiệp hay chứng kiến các mâu thuẫn của vợ chồng chị H, anh K.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đ, tỉnh B phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử, nghị án thấy rằng Thẩm phán thực hiện đúng các quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và tiến hành các thao tác tố tụng đã tuân thủ là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo các quy định của BLTTDS.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn Tòa án thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147/BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí tòa án đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" của chị Nguyễn Thị H đối với anh Nguyễn Duy K. Cụ thể:

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Duy K.

Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn Duy H – Sinh ngày 01/8/2014 và cháu Nguyễn Thanh T – sinh ngày: 06/3/2021 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu ly hôn.

Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng dân sự: Chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Nguyễn Duy K có nơi nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số nhà 36, tổ dân phố 09, phường T, thành phố Đ, tỉnh B, chỗ ở hiện nay: Số 103a, thôn P, xã H, huyện H1, tỉnh B. Anh K đồng ý để Toà án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B giải quyết vụ án ly hôn của vợ chồng anh. Nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đ, tỉnh B.

Chị H và anh K đều có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung giải quyết yêu cầu của đương sự:

2.1. Về hôn nhân: Hôn nhân của chị H và anh K được xây dựng trên cơ sở tự nguyên, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Him Lam, thành phố Đ, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, chị H và anh K đều thừa nhận vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình vì không có sự hiểu nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, chị H đề nghị Toà án giải quyết ly hôn với anh K, anh K cũng đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân của vợ chồng phải được xây dựng trên cơ sở tự nguyện, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Tuy nhiên cả chị H và anh K đều thừa nhận cho đến thời điểm ly hôn, cuộc sống vợ chồng của anh chị có nhiều mâu thuẫn và không hạnh phúc.

Xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần xử cho chị H được ly hôn với anh K là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.2. Về con chung: Chị H và anh K cùng thừa nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Duy H – Sinh ngày 01/8/2014 và cháu Nguyễn Thanh T – sinh ngày: 06/3/2021, hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị H. Nguyện vọng của chị H là được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, anh K cũng đồng ý để chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung, cháu H cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng với mẹ, chị H hiện cũng có công việc ổn định, đảm bảo được cuộc sống cho các cháu, nên việc để chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3. Về tài sản và nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

1.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Duy K;

1.2. Về con chung: Chị H được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Nguyễn Duy H – Sinh ngày: 01/8/2014 và cháu Nguyễn Thanh T – Sinh ngày: 06/3/2021, đến khi các cháu thành niên hoặc đến khi có thay đổi khác. Không yêu cầu Toà án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3. Về tài sản và nợ: Đương sự không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tại biên lai thu tiền số 0000949 ngày 11/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ, tỉnh B. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

3. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 271, Điều 273/BLTTDS, Chị H và anh K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát ND thành phố ĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục Thi hành án DS thành phố ĐBP;
- Toà án tỉnh B;
- UBND P. Him Lam, TP. ĐBP (Nơi ĐK

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

Đào Thị Thúy Thành